TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 72/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 5 - 2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa bà T và ông K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Bà Mai Thị Bỉ

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thanh Mai - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2003.
Căn cước công dân số: 084303005762, cấp ngày 15 tháng 9 năm 2023.
Địa chỉ: Số nhà C, ấp T, xã T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).
Chổ ở hiện nay: Nhà trọ Ú, 62B, đường T, ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc K, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1996.
Căn cước công dân số: 080096013742, cấp ngày 03 tháng 01 năm 2021.
Địa chỉ: Số nhà C, ấp T, xã T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2026 và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Anh T là nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Trần Quốc K chung sống nhau vào năm 2021 và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh), thời gian đầu chung sống hạnh phúc khoảng 5 năm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông K ăn chơi, không lo làm ăn, không lo chăm sóc vợ con, nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hòa hợp. Bà T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc K.

Trong quá trình chung sống hôn nhân giữa bà và ông Trần Quốc K có hai người con chung tên là Trần Thị Nhã L1, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Trần Thị Nhã P, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2024. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên nêu trên. Khi khởi kiện bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng cho bà nuôi dưỡng mỗi người con, mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Đến ngày 28 tháng 4 năm 2026, bà T có bản tự khai xác định: Bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, bà T xác định: Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, ông Trần Quốc K vắng mặt, còn bà Nguyễn Thị Anh T có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Anh T và nơi cư trú của ông Trần Quốc K, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông ông Trần Quốc K đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Trần Quốc K vắng mặt, còn bà Nguyễn Thị Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Quốc K, bà Nguyễn Thị Anh T.

[3] Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc K đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc K nhưng ông K vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Việc ông K vắng mặt thể hiện ông K không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Bà T xác định bà không còn tình cảm với ông K, bà T giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc K. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông K đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Quốc K là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc K có hai người con chung tên là Trần Thị Nhã L1, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Trần Thị Nhã P, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2024. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người hai con chung có tên nêu trên là phù hợp với nguyện vọng của người con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Khi khởi kiện bà T yêu cầu ông Trần Quốc K cấp dưỡng cho bà nuôi dưỡng mỗi người con, mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Đến ngày 28 tháng 4 năm 2025, bà T xác định: Bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì lợi ích của người con chung, khi có căn cứ thì bà T, ông K hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà T, ông K có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Về nợ chung và tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Anh T xác định về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Trần Quốc K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Anh T về việc xin ly hôn với ông Trần Quốc K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông Trần Quốc K.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Anh T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Trần Thị Nhã L1, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Trần Thị Nhã P, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2024, hiện đang sống cùng với bà T.

Ông Trần Quốc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai người con chung có tên là Trần Thị Nhã L1, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Trần Thị Nhã P, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2024, bà T cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Ông K thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của các người con chung, khi có căn cứ thì bà T, ông K hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà T1, ông S có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Ông Trần Quốc K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005117 ngày 17 tháng 3 năm 2026 của cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh được trừ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Anh T, ông Trần Quốc K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diệp Song Tiền

Nơi nhận**:**
- TAND tỉnh Tây Ninh (1b);
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh (2b);
- THA tỉnh Tây Ninh (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).

TAND KHU VỰC 5

YYG220526.TL.QDBA 654